

Số: /KH-UBND Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược phát triển ngành thép giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Thực hiện Quyết định số 261/QĐ-TTg ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành thép giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; sau khi xem xét Tờ trình số 2820/TTr-SCT ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển ngành thép giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn thành phố Đồng Nai, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai, cụ thể hóa quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược phát triển ngành thép giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với điều kiện thực tiễn của thành phố Đồng Nai.

2. Yêu cầu

a) Các hoạt động triển khai Chiến lược phát triển ngành thép giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải đảm bảo hiệu quả, phù hợp với nhu cầu cụ thể của thành phố Đồng Nai.

b) Bám sát các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, các chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực có liên quan và quy hoạch tỉnh Đồng Nai để xây dựng ngành thép với vai trò là một trong những ngành công nghiệp nền tảng; phát triển độc lập, tự chủ, góp phần quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đảm bảo quốc phòng an ninh.

c) Phát triển ngành thép với cơ cấu hợp lý, hài hòa theo cả chiều rộng và chiều sâu, chú trọng phát triển theo chiều sâu, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; tận dụng tối đa và hiệu quả nguồn nguyên liệu trong nước; đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu; khai thác các lợi thế và cơ hội quốc tế, chủ động tham gia sâu vào chuỗi giá trị sản xuất toàn cầu, từng bước nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của ngành thép trên thị trường thế giới.

d) Nhận thức đầy đủ, tôn trọng, vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, phù hợp với các điều kiện phát triển của đất nước, phát triển ngành thép trên cơ sở huy động hiệu quả các nguồn lực từ mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước, trong đó ưu tiên phát triển khu vực kinh tế tư nhân.

đ) Phát triển ngành thép trên cơ sở đầu tư, đổi mới công nghệ, thiết bị hiện đại, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; đảm bảo các cơ sở sản xuất nhỏ đáp ứng được yêu cầu về công nghệ và môi trường với lộ trình chuyển đổi phù hợp; sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, hướng tới tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

II. MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu cụ thể

1.1. Đến năm 2030

a) Bảo đảm nguồn cung thép xây dựng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố ổn định.

b) 100% dự án thuộc lĩnh vực thép trên địa bàn thành phố thực hiện đầy đủ quy định về đầu tư, đất đai và môi trường.

c) Tăng dần tỷ lệ các sản phẩm thép có giá trị gia tăng cao: Thép hợp kim, thép không gỉ, thép chất lượng cao phục vụ các ngành chế tạo, sản xuất, phương tiện giao thông vận tải (ô tô, đóng tàu, đường sắt), năng lượng.

1.2. Tâm nhìn đến năm 2050

Từng bước hình thành lĩnh vực cơ khí - kết cấu thép có năng lực đáp ứng nhu cầu trong thành phố và khu vực.

2. Định hướng phát triển

2.1. Về sản phẩm ưu tiên

Tập trung phát triển các sản phẩm có lợi thế, có nhu cầu sử dụng cao hiện tại trong nước chưa sản xuất được; chú trọng đầu tư vào các dự án sản xuất thép công nghệ tiên tiến, hiện đại, sản xuất thép xanh, thép hợp kim, thép cho ngành chế tạo, các sản phẩm có năng lực cạnh tranh cao, có đủ khả năng tham gia trong chuỗi giá trị toàn cầu. Đồng thời tăng nhanh hàm lượng khoa học, công nghệ nhằm tăng năng suất và chất lượng sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn quốc tế.

2.2. Về nguồn nguyên liệu

Trên địa bàn thành phố Đồng Nai không có khu vực quy hoạch khai thác và dự trữ khoáng sản quặng sắt. Việc sử dụng nguyên liệu quặng sắt cho sản xuất thép dựa trên việc sử dụng nguồn quặng sắt trong nước hiệu quả; đa dạng hóa nguồn cung quặng sắt, thép phế liệu, khuyến khích đầu tư vào khai thác tối đa quặng sắt trong nước và phát triển thêm các nguồn cung, bao gồm cả việc nhập khẩu, song song tiến hành triển khai công tác tìm kiếm đối tác và xây dựng các mối quan hệ hợp tác với các nhà cung cấp quặng sắt, thép phế liệu uy tín, đáng tin cậy trên thị trường quốc tế.

2.3. Về nguồn năng lượng phục vụ sản xuất

a) Việc xem xét các dự án chế biến phải căn cứ vào khả năng cung ứng điện thực tế và phương án đầu nối cụ thể.

b) Để đảm bảo an ninh năng lượng và đóng góp vào việc giảm phát thải khí nhà kính (Net Zero đến 2050), tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo và các dẫn xuất hydro (H_2), amoniac (NH_3) trong sản xuất thép thông qua dự án thép đầu tư mới, các dự án thép được cấp chủ trương đầu tư mới cho đến năm 2035 cần đi kèm dự án phát triển năng lượng tái tạo hoặc mua bán điện trực tiếp với tỷ lệ nhất định theo quy định pháp luật.

c) Khuyến khích thay đổi công nghệ trong sản xuất thép như thu hồi nhiệt dư, tuần hoàn nước trong quá trình sản xuất theo mô hình kinh tế tuần hoàn nhằm tối ưu hóa sử dụng năng lượng, tiết kiệm tài nguyên trong quá trình sản xuất thép.

2.4. Về phát triển các doanh nghiệp ngành thép

a) Phát triển doanh nghiệp ngành thép theo hướng hiện đại, bền vững, sử dụng công nghệ mới; thiết bị máy móc hiện đại, sản xuất sản phẩm chất lượng cao, đa dạng hóa sản phẩm; giảm phát thải khí nhà kính nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong hội nhập quốc tế.

b) Các dự án sản xuất nhỏ, sử dụng công nghệ lạc hậu, sản xuất kém hiệu quả, gây ô nhiễm môi trường không đáp ứng yêu cầu về công nghệ và môi trường với lộ trình cần phải đổi mới công nghệ để đáp ứng cả quy chuẩn tiêu thụ năng lượng và môi trường phù hợp.

c) Hình thành hệ thống doanh nghiệp hỗ trợ ngành thép, bao gồm cả cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, hạ tầng, dịch vụ và nguyên liệu phụ trợ sản xuất nhằm đảm bảo sự hỗ trợ kịp thời cho các doanh nghiệp sản xuất thép trong nước phát triển sản phẩm và tiêu thụ sản phẩm.

2.5. Về thị trường tiêu thụ thép

Đối với nhu cầu thép xây dựng trên địa bàn thành phố, tiếp tục sử dụng nguồn cung từ các doanh nghiệp sản xuất thép trong nước; tăng cường kết nối cung - cầu, theo dõi diễn biến thị trường thép để kịp thời tham mưu điều chỉnh phù hợp.

2.6. Về công nghệ

Tăng dần đầu tư phát triển công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại giảm thiểu tiêu tốn năng lượng trong quá trình sản xuất. Từng bước thúc đẩy chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước đối với ngành thép và công tác quản lý sản xuất tại các doanh nghiệp ngành thép trên địa bàn thành phố.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Về cơ chế, chính sách

1.1. Nội dung

Tiếp tục rà soát, cụ thể hóa các nội dung của Chiến lược phát triển ngành thép Việt Nam phù hợp với điều kiện của thành phố.

1.2. Đơn vị thực hiện

a) Sở Công Thương: Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị và Ủy ban nhân dân các phường, xã triển khai các cơ chế, chính sách phát triển ngành thép trên địa bàn thành phố.

b) Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn thực hiện các quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong xây dựng công trình công nghiệp, công trình có sử dụng kết cấu thép; phối hợp rà soát, đánh giá sự phù hợp của địa điểm đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực thép, luyện kim, gia công kết cấu thép với quy hoạch xây dựng, định hướng phát triển đô thị, nông thôn và hạ tầng kỹ thuật khu vực. Phối hợp quản lý chất lượng thép xây dựng, cấu kiện thép sử dụng trong công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng; theo dõi diễn biến giá thép xây dựng trên địa bàn để phục vụ công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng, công bố giá vật liệu xây dựng và chỉ số giá xây dựng theo quy định.

c) Sở Tài chính: Chủ trì hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về đầu tư sản xuất kinh doanh ngành thép theo Luật đầu tư và định hướng phát triển ngành thép trên địa bàn thành phố.

2. Về hạ tầng thương mại

2.1. Nội dung

Đầu tư, nâng cấp hiện đại hóa hệ thống hạ tầng thương mại, phát triển hệ thống kho bãi, dịch vụ logistics đảm bảo tiêu chuẩn chứa lưu, phục vụ nhu cầu trung chuyển sản phẩm ngành thép.

2.2. Đơn vị thực hiện

Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị và Ủy ban nhân dân các phường, xã triển khai thực hiện phương án phát triển hạ tầng thương mại trên địa bàn thành phố, trong đó, phát triển hệ thống kho bãi, dịch vụ logistics đảm bảo tiêu chuẩn chứa lưu, phục vụ nhu cầu trung chuyển sản phẩm ngành thép.

3. Về khoa học công nghệ và chuyển đổi số

3.1. Nội dung

a) Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư công nghệ hiện đại, tiêu tốn ít năng lượng, phát thải carbon thấp; áp dụng công nghệ thu giữ carbon trong lĩnh vực luyện thép; áp dụng công nghệ điện phân ô-xít nóng chảy trong lĩnh vực luyện thép; sử dụng hydro thay thế coke trong luyện thép “xanh”; ứng dụng ERP, IoT, AI, tự động hóa vào trong quá trình sản xuất thép để tăng cường hiệu quả, hiệu suất, giảm thiểu tác động đến môi trường góp phần thực hiện tốt kế hoạch hành động sản xuất thông minh trong ngành thép.

b) Lựa chọn áp dụng công nghệ sản xuất phù hợp với từng thời kỳ phát triển đối với các dự án đầu tư mới. Kiên quyết không cho phép nhập khẩu công nghệ cũ và thiết bị lạc hậu, đã qua sử dụng để sản xuất thép trong nước. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, công nghệ mới để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng giá trị của ngành thép.

c) Thực hiện nhất quán và đồng bộ các quan điểm nâng cao trình độ công nghệ sản xuất bằng phương thức tiếp nhận chuyển giao, khai thác tối đa sự chuyển giao công nghệ hiện đại từ đối tác nước ngoài cho phát triển ngành công nghiệp thép theo định hướng sử dụng công nghệ cao, thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên, coi đây là điều kiện tiên quyết để quyết định dự án đầu tư và hợp đồng hợp tác sản xuất thép trong nước.

3.2. Đơn vị thực hiện

a) Sở Khoa học và Công nghệ: Phối hợp với Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ban, ngành có các hoạt động thúc đẩy doanh nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong hoạt động sản xuất; hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng chuyển đổi số, đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; phối hợp có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư theo quy định.

b) Sở Công Thương: Triển khai, lồng ghép các hoạt động về giảm phát thải và tiết kiệm năng lượng trong sản xuất ngành thép theo Kế hoạch phát triển công nghiệp môi trường ngành công thương và Kế hoạch thực hiện Chương trình Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

4. Về nguồn nhân lực

4.1. Nội dung

a) Tăng cường hợp tác, liên kết với các cơ sở đào tạo uy tín trong nước và quốc tế để phát triển nguồn nhân lực; tăng tỷ lệ nhân lực chất lượng cao đảm bảo đầy đủ tiêu chuẩn làm việc tại các cơ sở sản xuất. Tuyển dụng nhân lực cán bộ khoa học chất lượng cao, quản lý giỏi và công nhân kỹ thuật lành nghề từ các trường dạy nghề, đại học uy tín, đáp ứng nhu cầu lao động chất lượng cao cho phát triển ngành thép trong giai đoạn mới.

b) Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong ngành thép xây dựng chương trình và kế hoạch đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ và thợ lành nghề. Việc đào tạo phải tiến hành theo phương châm vừa phát triển chiều rộng nhằm đáp ứng yêu cầu số lượng, đồng thời phải có kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên sâu, các cán bộ nghiên cứu khoa học đầu ngành để chuẩn bị nguồn lực cho ngành.

c) Thông qua các dự án đầu tư để đào tạo, tiếp nhận các công nghệ mới, tiên tiến hiện đại. Chú trọng đào tạo nghề để có đội ngũ công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ lành nghề đủ khả năng nắm bắt, sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật và vận hành công nghệ, ứng dụng vào trong quá trình sản xuất.

4.2. Đơn vị thực hiện

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì lồng ghép các nội dung về đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho ngành thép vào các chương trình, kế hoạch phát triển của ngành giáo dục.

5. Về bảo vệ môi trường

5.1. Nội dung

a) Phát triển ngành thép luôn kết hợp chặt chẽ với bảo vệ môi trường. Khi triển khai dự án sản xuất thép phải tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ môi trường; trong thu hút đầu tư cần ưu tiên những dự án có công nghệ tiên tiến hiện đại, ít gây ô nhiễm môi trường; nâng cao chất lượng thẩm định các dự án, trong đó cần xem xét đánh giá kỹ lưỡng về công nghệ sản xuất, lượng khí thải, nước thải, chất thải rắn và chất thải nguy hại.

b) Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về môi trường, thường xuyên kiểm soát nguồn khí thải từ các hoạt động khai thác, sản xuất, chế biến chế tạo trong quy trình sản xuất; bảo đảm công tác kiểm soát, xử lý khí thải đạt tiêu chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy chuẩn hiện hành; tiến hành định kỳ công tác đánh giá hiện trạng môi trường đối với các cơ sở sản xuất, đồng thời có biện pháp xử lý kịp thời đối với các doanh nghiệp vi phạm về môi trường; thực hiện kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính đối với các cơ sở phát thải hàng năm từ 3000 tấn CO_{2td} trở lên.

c) Tăng cường đầu tư trang thiết bị quan trắc tự động liên tục và quan trắc định kỳ, quản lý cơ sở về khí thải và chất lượng môi trường không khí xung quanh, các công cụ, mô hình dự báo chất lượng không khí, xây dựng và thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ trong ngành thép theo hướng sản xuất “thân thiện với môi trường”, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên; nguyên liệu, nhiên liệu, nước,... giảm thiểu lượng khí thải, chất thải nguy hại ra môi trường.

d) Tăng cường đầu tư công nghệ sản xuất thép tiên tiến nhằm mục tiêu bảo vệ môi trường; sử dụng công nghệ tuần hoàn, tái sử dụng đối với tài nguyên nước trong sản xuất, chế biến thép để đáp ứng các yêu cầu về phòng, chống suy thoái cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước theo Luật Tài nguyên nước.

5.2. Đơn vị thực hiện

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì hướng dẫn Nhà đầu tư thực hiện thủ tục đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường theo quy định; tăng cường kiểm tra việc chấp hành các quy định về lĩnh vực nông nghiệp và môi trường theo quy định của pháp luật;

b) Sở Công Thương

Chủ trì kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải nhà kính và tuân thủ các quy định về đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải nhà kính của các cơ sở ngành công thương phát thải hàng năm từ 3000 tấn CO_{2td} trở lên.

c) Ủy ban nhân dân các phường, xã

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát môi trường đối với các cơ sở sản xuất, gia công thép; đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền để người dân và cơ sở sản xuất nắm được các quy định liên quan;

- Chủ trì, phối hợp các nội dung theo chức năng quản lý nhà nước trong công tác quản lý đất đai, quy hoạch sử dụng đất liên quan đến các dự án ngành thép; giám sát môi trường, phòng ngừa ô nhiễm môi trường tại địa phương.

IV. KINH PHÍ

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được đảm bảo từ các nguồn vốn ngân sách nhà nước; lồng ghép từ nguồn kinh phí thực hiện một số chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và vốn huy động từ các nguồn khác.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường chủ động xin chủ trương thực hiện, xây dựng dự toán kinh phí và tổng hợp vào dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của cơ quan mình theo quy định gửi cơ quan tài chính và các cơ quan có liên quan để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các phường, xã và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; lồng ghép các mục tiêu, nội dung của Kế hoạch với các chương trình, đề án, dự án khác có liên quan

b) Giám sát, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết đánh giá kết quả thực hiện hàng năm và toàn bộ Kế hoạch; kịp thời đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo theo quy định.

2. Các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các phường, xã

a) Căn cứ các nội dung và nhiệm vụ được giao tại mục III, chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện hoặc lồng ghép vào các kế hoạch của ngành để triển khai thực hiện theo quy định.

b) Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, gửi báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về Sở Công Thương để tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển ngành thép giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn thành phố Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Như mục V;
- Bộ Công Thương (b/c);
- Thường trực Thành ủy (b/c);
- Thường trực HĐND thành phố (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- UBMTTQ Việt Nam thành phố;
- Chánh, các PCVP UBND thành phố;
- Lưu: VT, KTN.

Nga.T4

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Kim Long